

Bản án số: 78/2024/DS-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông
Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 179/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc P, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp z, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

1/Ông Võ Tuấn K, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp z, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2/Bà Võ Thanh P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp x, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Định Thị Bé M, sinh năm 1972. Địa chỉ: số B, tổ c, khu phố a, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Tại tòa: bà P có mặt; bà P, ông K, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc P trình bày:

Bà được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 2256,8m² thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp 2, xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/7/2010. Phần đất này có nguồn gốc là của ông bà để lại cho bà sử dụng từ năm

1988. Mục đích sử dụng đất ở 300m² và đất trồng cây lâu năm 2256,8m². Phần đất này trước đây do ông bà của bà mua lại của ông bà ông K và bà P. Khi đó phần đất còn lại của gia đình ông K, bà P có một con mương lớn nên gia đình ông K, bà P yêu cầu gia đình bà phải mua hết con mương nhỏ là phần đất hiện nay tranh chấp. Giáp ranh với thửa 166 là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 10 diện tích 3495.6m², (thửa cũ 2378, tờ bản đồ số 01, diện tích 2990m² do hộ bà Võ Thanh P đứng tên quyền sử dụng đất). Bà P lập gia đình, hiện sinh sống nơi khác, thửa đất này hiện do một mình ông K quản lý sử dụng. Thửa đất 154 là đất liền giáp mí mương của bên bà, hai bên có thỏa thuận và cắm ranh không ai tranh chấp gì. Vị trí thửa đất 166 được xác định thống nhất từ hai bên gia đình từ rất lâu, ông K tự ý bồi đất bên mương của bà, tự ý chặt cây, chặt hàng rào đâm bụi, nhổ trụ ranh giữa hai bên. Gia đình bà ngăn cản nhưng ông K vẫn làm và còn có lời lẽ xúc phạm, uy hiếp. Đến ngày 11/7/2002, việc tranh chấp ranh giữa hai bên đã được hòa giải với sự chứng kiến của trưởng ấp và hội phụ nữ xã. Đến ngày 04/11/2020, khi cơ quan chính quyền bơm cát chuẩn bị làm lộ thì ông K đem cây ra cắm tự ý chuyển dịch ranh giới về phía thửa đất số 154 để mở rộng diện tích sử dụng đất của ông K, không cho gia đình bà đốn lá dừa nước mọc um tùm và bồi mương trên phần đất của bà. Công an xã Lương Hòa cùng dân quân tự vệ can thiệp yêu cầu ông K phải nhổ những trụ cây của ông K ra khỏi phần đất của bà nhưng ông K chống đối không thực hiện.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc ông K và bà P trả cho bà phần đất lấn ranh là 53.5m² thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 166 (ký hiệu 166a) tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hiện do bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, bà không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông K bà có ý kiến như sau: Bà đã đốn cây dừa trồng bên đất của bà có ngọn nghiêng qua đất của ông K, đối với việc ông K yêu cầu bà bồi thường 800.000 đồng tiền đốn lá dừa nước bà không đồng ý vì dừa nước bà chặt nằm trên đất của bà, dừa um tùm rấn bò vào nhà nên bà dọn cho trống, dừa nước tự mọc chứ không phải do ông K trồng.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2021, đơn yêu cầu phản tố ngày 15/8/2022 ông Võ Tuấn K trình bày:

Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, ông có ý kiến chưa nhận được bản sao đơn khởi kiện của bà P, ông không có lấn ranh đất của bà P, nếu có chứng cứ đề nghị bà đưa ra. Trước đây ông Trần Văn Thắng có khởi kiện vụ tranh chấp lối đi, khi xét xử Thẩm phán có đo đạc theo quy định, lúc đo đạc bà P là chủ giáp ranh cũng thống nhất ranh mới đo đạc có bản vẽ phục vụ xét xử vụ án tại bản án số 136/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Trước đây bà P từng khởi kiện vụ án tranh chấp ranh đất với ông nhưng bà P đã rút lại đơn khởi kiện, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, không hiểu lý do gì bà P đi khởi kiện tiếp tục. Bà P từ ngày Tòa án lên đo đạc vụ lối đi giữa ông và ông Thắng cứ kiểm chuyện với ông vụ ranh đất nhiều lần chứ trước đó không có việc gì xảy ra. Từ trước đến nay con mương ranh giữa hai bên mỗi bên sử dụng ½ mương bình thường không ai có ý kiến gì. Bà P đổ đất lấn con mương này ra ông không nói gì thì thôi bà còn nói ông lấn ranh là sao? Theo ông,

bà P có lòng tham vô độ, không biết gì về lẽ phải hết, ăn nói hàm hồ, hung dữ là giỏi chứ không biết lẽ phải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P tự ý chặt phá dừa nước của ông trồng trên phần đất của ông trị giá khoảng 800.000 đồng. Trên phần đất liền kề của ông, bà P trồng 01 cây dừa, phần gốc nằm trên đất bà P, phần ngọn nghiêng sang đất của ông, lấn chiếm không gian đất của ông. Vì vậy ông yêu cầu bà P bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 800.000 đồng và yêu cầu bà P phải đốn cây dừa lấn sang đất của ông do lấn chiếm không gian.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2024 và ngày 11/6/2024 bị đơn bà Võ Thanh P trình bày:

Bà được ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2378, tờ bản đồ số 01 (thửa mới 154, tờ bản đồ số 10) tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Phần đất này bà được mẹ cho và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 19/02/2002. Tuy giấy chứng nhận ghi đất cấp cho hộ nhưng thực tế là cho riêng bà. Khi đó trong hộ khẩu còn bà và mẹ là bà Dài. Mẹ của bà đã mất vào khoảng năm 2003. Khi đó ông K đã có đất bên nội cho và có hộ khẩu riêng. Chồng bà là ông Phạm Minh Luân kết hôn với bà vào năm 2012 sau khi bà được cho đất nên không liên quan gì đến phần đất này. Thửa đất 2378 (154) bà sử dụng đến năm 2012, bà lấy chồng, theo chồng về ấp 5, xã Lương Hòa sinh sống nên phần đất trên do ông K quản lý, sử dụng đến nay. Bà không có ý kiến gì về việc bà P tranh chấp ranh đất, đất hai bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi, có diện tích, bản đồ cụ thể thì đất ai nấy sử dụng. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 2378, tờ bản đồ số 01 hiện do ông K giữ, nên bà chỉ cung cấp được cho Tòa án bản pho to giấy chứng nhận bà đang lưu giữ, không cung cấp được bản sao.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông K là bà M đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Bà M cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nên trong hồ sơ không có lời trình bày của bà M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- + Nguyên đơn bà Mai Thị P thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- + Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, Điều 166 Luật Đất đai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc P về việc yêu cầu ông K, bà P trả lại phần đất lấn ranh có diện tích 53.5m² thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 166 (ký hiệu 166a) tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông Võ Tuấn K về việc yêu cầu bà P trả phần tài sản thiệt hại có giá trị 800.000 đồng và yêu cầu bà P đốn cây dừa trên phần đất thuộc thửa 166 của bà P có ngọn ven sang đất của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, bị đơn bà P có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Theo quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm cung cấp thể hiện: Phần đất của bà P thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 10, diện tích 2256,8m² được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010 có nguồn gốc của ông bà để lại. Ngày 19/11/2020 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm lập biên bản về việc đo đạc, sửa sai hiện trạng sử dụng đất với các hộ giáp ranh, thửa 166 được điều chỉnh lại diện tích là 2263.7m².

Theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa thì thửa đất số 154 được lòng ghép tương đối với bản đồ hóa gồm một phần thửa 2378 và một phần thửa 2379, tờ bản đồ số 01 tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thửa 2378, tờ bản đồ số 01, diện tích 2990m², bà Võ Thanh P được ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 19/02/2002. Bà P có đăng ký tên trên hệ thống VBDLIS thửa 154, tờ bản đồ số 10, diện tích 3496,0 m², chưa được cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà P xác định thửa đất số 2378 bà được mẹ cho riêng bà, do bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất hiện do ông K đang quản lý, sử dụng.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ nhiều lần bị đơn bà P vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của ông K cũng vắng mặt, riêng các lần xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/02/2022, ngày 21/7/2022 ông K có mặt nhưng không đồng ý hiệp thương ranh với hộ giáp ranh, không đồng ý cho đội đo đạc đo phục hồi ranh giữa hai thửa đất và cũng không đồng ý cho đo đạc xác định diện tích hai bên đang tranh chấp để làm cơ sở giải quyết tranh chấp. Đến ngày 18/01/2024, tiến hành đo đạc theo sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, phía bị đơn bà P, người đại diện của ông K và ông K đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiếp cận thửa đất số 166 do ông K đang quản lý sử dụng. Tòa án chỉ tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp theo xác định của bà P trên hiện trạng.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2024 thể hiện, phần đất bà P tranh chấp hiện do ông K đang quản lý sử dụng, có hiện trạng giáp giữa phần đất bà P đang quản lý sử dụng với phần đất của ông K là một con mương lạng, trên đất có nhiều bụi dừa nước mọc kín con mương. Có 01 cây dừa trên 06 năm tuổi phần gốc dừa mọc bên phía phần đất của bà P đang quản lý sử dụng; phần thân và ngọn dừa nghiêng sang phần đất tranh chấp và phần đất của ông K, bà P. Trên đất tranh chấp không có nhà cửa, công trình kiến trúc gì.

Kết quả đo đạc thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 53.9m² thuộc một phần thửa 166 (ký hiệu 166a), tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hiện do bà P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất đang do phía bị đơn quản lý, sử dụng. Do đó, việc bà P khởi kiện yêu cầu ông K và bà P trả lại phần đất nêu trên cho bà P là có cơ sở chấp nhận. Việc ông K cho rằng, khi Tòa án giải quyết tranh chấp lối đi giữa ông Thắng với ông có bà P thỏa thuận ranh với bà P, tuy nhiên vụ việc tranh chấp giữa ông và ông Thắng là tranh chấp quyền về lối đi qua được giải quyết bằng Bản án số 68/2020/DS-PT, không liên quan đến vụ án này. Đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 13/QĐST-DS ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tại khoản 2 Quyết định có nêu người khởi kiện có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án. Do đó, việc bà P khởi kiện lại vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của ông K về việc yêu cầu bà P bồi thường giá trị dừa nước bà P chặt của ông trồng là 800.000 đồng và đốn cây dừa ngon ve sang phần đất của ông lấn chiếm không gian. Bà P xác định đã đốn cây dừa nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy tại tòa, ông K và người đại diện theo ủy quyền của ông K vắng mặt không lý do, không có yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông K.

[3] Chi phí thu thập chứng cứ, đo đạc, định giá là 5.057.550 (năm triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi) đồng. Bà P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà P đã nộp đủ.

[4] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Tuấn K và bà Võ Thanh P có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông K có đơn xin được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí với lý do cha ông là thương binh, chú ông là liệt sĩ, ông được hưởng trợ cấp thờ cúng. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định trường hợp được miễn nộp án phí "...người có công cách mạng, ...thân nhân gia đình liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ". Căn cứ quy định nêu trên thì bản thân ông K không phải là người có công với cách mạng, ông không cung cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định ông là thân nhân gia đình liệt sĩ nên không có cơ sở xem xét miễn án phí cho ông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 166 Bộ Luật dân sự;

Căn cứ các 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 200, 202, 227, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc P về việc yêu cầu ông Võ Tuấn K và bà Võ Thanh P trả lại phần đất có diện tích 53,5m² thuộc một phần thửa 166 (ký hiệu 166a), thuộc tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Võ Tuấn K và bà Võ Thanh P có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị Ngọc P phần đất có diện tích 53,5m² thuộc một phần thửa 166 (ký hiệu 166a), thuộc tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

(có hồ sơ đo đạc kèm theo bản án).

[2] Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông Võ Tuấn K về việc yêu cầu bà Mai Thị Ngọc P bồi thường giá trị dừa nước bị chặt là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng và đôn 01 cây dừa có gốc bên đất bà P, ngọn ven sang đất ông K, bà P.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Mai Thị Ngọc P tự nguyện chịu số tiền 5.057.550 (năm triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi) đồng. Ghi nhận bà P đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Tuấn K và bà Võ Thanh P có trách nhiệm liên đới nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Mai Thị Ngọc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001955 ngày 01/10/2021.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Đông Phạm Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Phúc Phạm Thị Thu Trang Nguyễn Thị Ngoan

